TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/DSST.
Ngày: 27/6/2017
V/v tranh chấp sử dụng thẻ tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỐNG ĐA, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quản Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Bá Lung

2. Bà Ngô Thị Kim Vinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Vân- Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Đống Đa: *Không tham gia phiên toà:*

Trong ngày 27 tháng 6 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2015/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2015 về tranh chấp hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2017/QĐXX-ST ngày 09 tháng 05 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2017/QĐST-KDTM ngày 30/5/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn- Thương Tín;**

Trụ sở: Lầu 8, 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Huy Khang - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Mạnh Tuấn (văn bản ủy quyền số 567/2015/UQ-TTT ngày 24/11/2015).

Có mặt

Bị đơn: **Bà Chung Việt H** , sinh năm 1987;

Trú tại: phường Đ, quận Đống Đa, Hà Nội.

Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2015, bản tự khai và các văn bản tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn **Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn- Thương Tín**, trình bày:

Ngày 04/10/2011, bà Chung Việt H có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà H , Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.387.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà Hà đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.853.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Bà H vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do Bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/10/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Tính đến ngày 12/04/2017, Bà H còn nợ các khoản sau:

• Nợ gốc : 8,745,952 đồng

• Lãi quá hạn : 15,325,260 đồng

• Tổng cộng : 24,071,212 đồng

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H , yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn:

1. Buộc bà CHUNG VIỆT H phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính từ ngày 25/11/2012 đến ngày 12/4/2017 là 24,071,212 đồng trong đó:

• Nợ gốc : 8,745,952 đồng

• Lãi quá hạn : 15,325,260 đồng

2. Và bà CHUNG VIỆT H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngay sau ngày Tòa án xét xử cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Chung Việt H nhưng bà H đều vắng mặt tại các buổi làm việc mà không có lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu của mình, cụ thể: Buộc bà CHUNG VIỆT H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính từ ngày 25/11/2012 đến ngày 28/05/2017 là 24,503,704 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, năm trăm không ba nghìn, bảy trăm không bốn đồng) trong đó:

• Nợ gốc : 8,745,952 đồng

• Lãi quá hạn : 15,757,752 đồng

• Tổng cộng : 24,503,704 đồng

Và không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29/5/2017 cho đến khi kết thúc ngày xét xử; Bà CHUNG VIỆT H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh tiếp theo từ ngay sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thận tại Hợp đồng.

Ngoài các yêu cầu trên, Ngân hàng không yêu cầu giải quyết vấn đề nào khác.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bà H , nhưng bà H vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà Chung Việt H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại P4C1 tập thể Nam Đồng, phường Nam Đồng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và cư trú ổn định thường xuyên tại địa chỉ P3C1 tập thể Nam Đồng, phường Nam Đồng, Đống Đa, Hà Nội. Căn cứ Điều 39, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đống Đa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà H theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã 02 lần triệu tập hợp lệ bà H đến tham gia phiên tòa, tuy nhiên, bà H đều vắng mặt không có lý do; Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bà H là đúng quy định pháp luật.

2. Về nội dung:

Ngày 04/10/2011, Bà H có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng– các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng).

Căn cứ thu nhập của bà H , Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 10.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà Hà đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 9.387.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà Hà đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 4.853.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà Hà vẫn không có thiện chí trả nợ.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ do nguyên đơn cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án có đủ cơ sở xác định: Việc ký kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật và đạo đức xã hội. Theo các nội dung mà hai bên đã

thảo thuận thì bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) do vậy ngày 26/10/2012 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với bà H , yêu cầu bà H có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để bà H trả nợ, tuy nhiên bà H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng dẫn đến vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay, nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Chung Việt H phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính từ ngày 25/11/2012 đến ngày 28/5/2017 là 24,503,704 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, năm trăm không ba nghìn, bảy trăm không bốn đồng) trong đó:

• Nợ gốc : 8,745,952 đồng
• Lãi quá hạn : 15,757,752 đồng
• Tổng cộng : 24,503,704 đồng

Và không yêu cầu bà Hà phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29/5/2017 cho đến khi kết thúc ngày xét xử; Bà CHUNG VIỆT H có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh tiếp theo từ ngay sau ngày xét xử cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất nợ quá hạn mà hai bên đã thỏa thận tại Hợp đồng.

Xét việc nguyên đơn không yêu cầu bà H phải trả tiền lãi quá hạn phát sinh từ ngày 29/5/2017 cho đến khi kết thúc ngày xét xử và chỉ yêu cầu bị đơn phải trả các khoản tiền đã nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật, đạo đức xã hội, có căn cứ cứ pháp luật nên cần chấp nhận.

Về án phí: Bà Chung Việt H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 267, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Điều 90, Điều 91, Điều 93, Điều 94, Điều 95, Điều 96, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;

Thông tư 19/2016/TT-NHNN ngày 30/6/2016 quy định về hoạt động thẻ ngân hàng

Căn cứ Pháp lệnh về án phí, lệ phí toà án số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của □y ban th- ờng vụ quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

Buộc bà Chung Việt H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín số tiền nợ tính từ ngày 25/11/2012 đến ngày 28/5/2017 là 24,503,704 đồng (Bằng chữ: Hai mươi bốn triệu, năm trăm không ba nghìn, bảy trăm không bốn đồng) trong đó:

- Nợ gốc : 8,745,952 đồng
- Lãi quá hạn : 15,757,752 đồng
- Tổng cộng : 24,503,704 đồng

Kể từ ngày tiếp theo của ngày ban hành bản án, người phải thi hành án còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh từ số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc.

2. Án phí: **Bà Chung Việt H** phải chịu 1.225.185đồng (một triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn, một trăm tám mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm (chưa nộp).

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín được nhận lại 947.356 đồng (chín trăm bốn mươi bảy nghìn, ba trăm năm mươi sáu đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm (đã nộp) tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 3595 ngày 15/12/2015 của chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

□n xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Chung Việt Hà đ- ợc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ợc Bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Đống Đa;
- Đ- ơng sự;
- L- u.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Quản Văn Tiến